

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/DS-PT

Ngày: 26-4-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2024/TLPT-DS ngày 15/3/2024 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 95/2024/QĐ-PT ngày 26/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 61/2024/QĐ-PT ngày 22/4/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Anh T, sinh năm: 1960; cư trú tại tổ dân phố F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1963, bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1966; cư trú tại tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; ông T1 có mặt, bà N vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1963; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 12/2024, quyền số 01/2024-SCT/CK, ĐC do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C chứng thực ngày 23/4/2024).

Người kháng cáo: Vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị N – Bị

đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 27/6/2023, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của bà Lê Thị Anh T thì: Do có quan hệ quen biết nhau nên bà T có cho vợ chồng ông T2, bà N vay tiền nhiều lần để làm ăn, cụ thể: Ngày 28/4/2022 vay 350.000.000đ, đến ngày 14/9/2022 vợ chồng ông T2, bà N trả 100.000.000đ, ngày 17/11/2022 vợ chồng ông T2, bà N lại vay 100.000.000đ. Ngày 03/12/2022 bị đơn vay thêm 50.000.000đ. Tổng cộng là 400.000.000đ, tuy bà T đã nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông T2, bà N không trả số tiền nói trên.

- Ông Nguyễn Văn T1 thừa nhận có vay của bà T 400.000.000đ; quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông đã trả lãi với mức lãi suất là 3%/tháng đến tháng 02/2023. Do công việc làm ăn gặp khó khăn nên từ tháng 3/2023 vợ chồng ông không trả lãi đúng hạn và chưa trả gốc cho bà T.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 01/2024/DS-ST ngày 25/01/2024; Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Anh T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản”. Buộc ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Anh T số tiền 400.000.000đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 05/02/2024 vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa Bản án sơ thẩm theo hướng cản trừ số tiền nợ gốc là 400.000.000đ vào số tiền lãi suất vượt quá 36%/năm mà vợ chồng ông, bà đã trả cho bà T.

Tại phiên tòa,

Ông Nguyễn Văn T1 vẫn giữ nguyên kháng cáo; cho rằng các khoản tiền còn nợ bà T là do vợ chồng ông vay từ trước đó và đã trả tiền lãi tổng cộng là 497.750.000đ; đề nghị cản trừ vào tiền gốc còn nợ bà T.

Bà Lê Thị Anh T cho rằng bị đơn chỉ còn nợ các khoản vay của năm 2022; không thừa nhận đã nhận số tiền lãi như ông T1 trình bày mà chỉ nhận 99.750.000đ; đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử

và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc giữa bà Lê Thị Anh T và vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị N nhiều lần xác lập giao dịch Dân sự vay tài sản; Do bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp; cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Theo hồ sơ vụ án thể hiện cũng như lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn tổng cộng 400.000.000đ; lãi suất là 3%/tháng; các bên chỉ tranh chấp về thời gian vay và số tiền lãi đã trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm; ông T1 cho rằng số nợ nói trên được vay vào khoảng thời gian trước năm 2022 và đã trả được 497.750.000đ nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh; trong khi đó bà T chỉ thừa nhận tiền lãi thực nhận là 99.750.000đ; do vậy cần căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Xét thấy, việc các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng là cao hơn so với lãi suất theo quy định nên cần căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính mức lãi suất là 1,66%/tháng là phù hợp.

Do nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền gốc; không yêu cầu trả lãi nên tiền lãi được tính từ ngày các bên xác lập giao dịch vay tài sản đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án (ngày 28/7/2023); cụ thể lãi suất được tính như sau:

- Từ ngày 28/4/2022 -> ngày 14/9/2022: $350.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 04$ tháng 16 ngày = 26.338.660đ (1);

- Từ ngày 15/9/2022 -> ngày 17/11/2022: $250.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 02$ tháng 02 ngày = 8.576.660đ (2);

- Từ ngày 18/11/2022 -> ngày 02/12/2022: $350.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 14$ ngày = 2.711.333đ (3);

- Từ ngày 03/12/2022 -> ngày 28/7/2023: $400.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 06$ tháng 25 ngày = 45.373.333đ (4).

Tổng cộng 04 khoản trên là $(1) + (2) + (3) + (4) = 82.999.900đ$ (làm tròn). Do bà T nhận tiền lãi cao hơn quy định nên phần dư ra được trừ vào tiền gốc mà

bị đơn còn nợ là 99.750.000đ - 82.999.900đ = 16.750.000đ (làm tròn). Như vậy tiền gốc mà bị đơn còn nợ là 383.250.000đ (400.000.000đ - 16.750.000đ).

[4] Với những nhận định trên; cần chấp nhận một phần kháng cáo của vợ chồng ông T1, bà N; sửa Bản án sơ thẩm theo hướng trừ số tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận nhiều hơn so với quy định của pháp luật vào tiền gốc để buộc bị đơn phải trả số tiền còn lại là phù hợp.

[5] Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho bà T và ông T1 do là người cao tuổi. Bà N dù có đơn xin miễn án phí tuy nhiên không xuất trình được căn cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên không có cơ sở xem xét.

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên vợ chồng ông T1, bà N không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị N, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Anh T về việc: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản” đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị N.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Anh T số tiền 383.250.000đ (ba trăm tám mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị Anh T và ông Nguyễn Văn T1.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 9.581.250đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0008352 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng. Bà N còn phải nộp 9.281.250đ.

- Án phí phúc thẩm: vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Cát Tiên (01);
- Chi cục THADS huyện Cát Tiên (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch